TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HC-ST
Ngày: 14-7- 2022
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Lý

Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên toà:Bà Dương Kim Yến là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 19/2021/TLST- HC ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T1 – Sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Phạm Văn Tùng, sinh năm 1978, địa chỉ: 306/1A đường Linh Trung, khu phố 1, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn C – Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Song T3 – Phó Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời (Có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Đa K – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Tân (Có đơn xin vắng mặt).

- Ông Võ Thanh B – Trưởng phòng Tư pháp huyện Trần Văn Thời (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị T1 trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 bà Phạm Thị T1 khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi phần đất diện tích 140m^2 tại thửa đất số 3 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà T1 theo quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2021 bà Phạm Thị T1 không yêu cầu ban hành quyết định cưỡng chế khi thu hồi đất mà chỉ khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 ban hành quyết định thu hồi đất diện tích 140m^2 tại thửa đất số 3 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho bà T1 theo quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2022 bà Phạm Thị T1 khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 3055/QĐ–UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2, buộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 ban hành quyết định thu hồi đất diện tích 128m^2 và bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà theo quy định với lý do: Phần đất thu hồi là do bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Minh Thuận có giấy chuyển nhượng. Theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 cũng ghi nhận nguồn gốc như vậy và tại quyết định này Nhà nước có thu hồi và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho bà số tiền 5.984.000 đồng do thu hồi diện tích đất 11,6m^2 đất của bà. Tuy nhiên, tại Quyết định số 3055 lại ghi nhận nguồn gốc đất của bà là lấn chiếm và thu hồi 88m^2 đất mà không bồi thường, hỗ trợ cho bà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T1 xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà T1 là chỉ khởi kiện yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất số 3055/QĐ–UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2.

Đại diện UBND huyện Trần Văn T2 trình bày tại buổi đối thoại ngày 19/5/2022:

Phần đất bà T1 sử dụng có nguồn gốc: Vào năm 1979 Nhà nước giao cho Trường Chính trị huyện quản lý, tổng diện tích 8.000m^2. Đến năm 1983 ông Nguyễn Minh Thuận tự bao chiếm cất nhà ở một phần diện tích, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm chuyển nhượng bán cho ông Trần Minh Thuận năm 1991. Sau đó ông Trần Minh Thuận chuyển nhượng lại cho ông Phan Minh Rớt, đến năm 2000 ông Rớt sang nhượng phần đất trồng cây lâu năm cho bà Phạm Thị T1. Năm 2015, bà T1 cho ông Thi thuê đất cất nhà ở và sử dụng đến nay, chính quyền địa phương không có lập biên bản ngăn chặn. Theo đo đạc phần đất bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Đường số 8 và khu dân cư khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời có diện tích 88m^2 đất trồng cây lâu năm. Căn cứ nguồn gốc, diễn biến sử dụng thì phần đất của bà Phạm Thị T1 bị ảnh hưởng dự án không đủ điều kiện được bồi thường về

đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân chấp hành chủ trương giao mặt bằng thực hiện dự án đã triển khai, Ủy ban nhân huyện báo cáo đề xuất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cho chủ trương lập phương án hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại diện tích 88m^2 cho bà Phạm Thị T1. Ngày 25/10/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2482 về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng đường số 8. Trong đó việc hỗ trợ theo đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 đối với bà T1 là không phù hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 thực hiện thu hồi đất lấn, chiếm theo quy định. Do đó Ủy ban không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T1 và đề nghị giữ nguyên Quyết định số 3055 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Phía Ủy ban nhân dân chưa cung cấp phương án bồi thường, phía người khởi kiện cũng xác định có nhiều người cùng mua đất của ông Thuận nhưng đều được nhận bồi thường, một số người không nằm trong diện bị thu hồi đất theo dự án thì đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà T1 không cung cấp được các tài liệu này để chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ là các tài liệu đã nêu trên nên không đề xuất quan điểm giải quyết vụ án.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 có đơn xin vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157 Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Về thẩm quyền xét xử vụ án*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 3055 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

[3] *Về quan hệ pháp luật:*

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T1 xác định lại yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 về việc thu hồi phần đất của bà T1 là 88,0m^2 thuộc "Mảnh trích đo" số 05-2019, thửa số 3, tọa lạc tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để thực hiện dự án công trình làm đường số 8 và khu dân cư khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời. Do đó, quan hệ

pháp luật là khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai theo quy định tại Điều 22 Luật Đất đai.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định. Bà T1 xác định phía Ủy ban huyện không giao và bà không nhận được Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019. Tại đơn khởi kiện đầu tiên ngày 09/4/2021 bà cho rằng phần đất bị thu hồi nhưng Ủy ban không ra quyết định nên khởi kiện yêu cầu Ủy ban ra Quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 đã cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là Quyết định thu hồi đất số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/3/2022 bà T1 đã được Tòa án thông báo về việc Ủy ban cung cấp quyết định nêu trên. Đến ngày 24/4/2022 bà T1 có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[5] *Đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của quyết định khởi kiện:*

[5.1] *Về thẩm quyền ban hành:* Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 ban hành Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 về việc thu hồi 88m^2 đất của bà Phạm Thị T1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Luật Đất đai.

[5.2] *Về căn cứ và nội dung ban hành quyết định:*

Bà T1 yêu cầu hủy Quyết định 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Trần Văn T2 với lý do: Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 ban hành quyết định số 3055/QĐ-UBND nhưng không giao quyết định cho bà và phần đất bị thu hồi phía Ủy ban xác định là do bà T1 lấn chiếm nên không bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi là trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1.

Thửa đất số 3 tờ bản đồ số 01 tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời diện tích 140m^2 được bà T1 mua từ ông Trần Minh Thuận vào 17/5/1992 tại mục kê ghi là đất thổ và đất hoang ký hiệu T+Hg. Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Thuận bao chiếm từ 1983 sau đó chuyển nhượng cho ông Trần Minh Thuận năm 1991. Năm 2000 bà T1 làm nhà ở với diện tích 88m^2 cho đến khi bị thu hồi.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 cho rằng bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Phan Minh Rớt năm 2000 là không đúng với thực tế và diễn biến quá trình sử dụng đất của bà T1. Tại văn bản số 360/BC-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện Trần Văn Thời xác định: Phần đất thu hồi là Nhà nước giao cho trường Chính trị huyện quản lý năm 1979 nhưng không có quyết định giao đất, việc ông Thuận tự bao chiếm đất vào năm 1983 cũng không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc lấn chiếm hay quyết định xử phạt hành vi lấn chiếm.

Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 cho rằng phần đất bà T1 bị thu hồi là đất bà T1 lấn chiếm nên không bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi là trái quy định, bởi lẽ: Gia đình bà T1 sử dụng thửa đất trên là từ ngày 17/5/1992 có nguồn

gốc nhận sang nhượng từ ông Trần Minh Thuận có giấy tờ mua bán. Như vậy, bà T1 sử dụng đất ổn định trước ngày 15/10/1993 (hoặc trước ngày 01/7/2004) không tranh chấp với ai nên được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định và thuộc trường hợp đất có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai mà chưa được cấp giấy chứng nhận.

Mặt khác, cùng một thửa đất với cùng nguồn gốc đất và cùng người sử dụng nhưng Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 lại ra 02 quyết định thu hồi đất với 02 nội dung và căn cứ hoàn toàn mâu thuẫn nhau cụ thể:

Theo Quyết định số 87/QĐ – UBND ngày 20/01/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng xây dựng đường số 14 thuộc Dự án khu Hành chính – Dân cư mở rộng khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời xác định phần đất thu hồi 11,6m^2 của vợ chồng bà T1 ông Hớn là nhận chuyển nhượng của ông Trần Minh Thuận có giấy tờ sang nhượng năm 1995 nên áp dụng theo khoản 2 Điều 4 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh Cà Mau bồi thường đất trồng cây lâu năm số tiền 5.684.000 đồng.

Theo Quyết định số 3046/QĐ–UBND ngày 30/5/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng Đường số 8 và khu dân cư khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời không bồi thường cho bà T1 bằng quyết định số 3055/QĐ–UBND huyện Trần Văn Thời thu hồi 88m^2 đất với lý do đất do UBND huyện Trần Văn Thời quản lý, bà Phạm Thị T1 lấn chiếm đất trồng cây lâu năm không có nhà ở.

Tòa án đã có công văn số 213/TA-HC ngày 21/4/2022 yêu cầu Ủy ban huyện Trần Văn T2 làm rõ mâu thuẫn của hai quyết định trên. Tại văn bản số 360 ngày 19/5/2022, UBND huyện Trần Văn T2 trả lời lý do ra hai quyết định thu hồi đất với nội dung mâu thuẫn là do: Theo quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 20/01/2012, đơn vị tư vấn căn cứ vào giấy tay sang nhượng ngày 27/5/1995 giữa ông Trần Minh Thuận với ông Nguyễn Văn Hớn nhưng không xác định nguồn gốc đất của ông Thuận từ đâu mà có nên chấp nhận bồi thường cho vợ chồng bà T1. Đối với quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019, Ủy ban căn cứ vào nguồn gốc đất do ông Thuận lấn chiếm (qua họp dân để xác minh nguồn gốc đất) rồi sang nhượng nên không bồi thường, hỗ trợ cho bà T1.

Như đã nhận định trên, việc Ủy ban Trần Văn T2 xác định nguồn gốc đất của ông Thuận lấn chiếm là không có căn cứ. Đối chiếu với quy định của Nhà nước tại Điều 74 Luật đất đai về nguyên tắc bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, Điều 86 Luật đất đai về bố trí tái định cư, Điều 93 Luật đất đai về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai thì nội dung và căn cứ thu hồi đất tại quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 là trái quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tạm

ngừng phiên tòa để thu thập thêm các tài liệu chứng cứ. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án có công văn số 213/TA-HC ngày 21/4/2022 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 cung cấp toàn bộ các tài liệu liên quan đến việc thu hồi phần đất của bà Phạm Thị T1. Ngày 19/5/2022, Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 đã có văn bản số 360/BC-UBND báo cáo cụ thể kèm toàn bộ các tài liệu chứng cứ liên quan. Mặt khác, đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3046/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 thì người khởi kiện không có yêu cầu khởi kiện. Đối với các tài liệu khác chứng minh có nhiều người cùng mua đất của ông Thuận như bà T1 nhưng đều được nhận bồi thường, vấn đề này đã thể hiện rõ tại các tường trình, báo cáo, biên bản làm việc mà Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 cung cấp cho Tòa án có tại hồ sơ. Do vậy, không cần thiết tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

[6] Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 hủy Quyết định thu hồi đất số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 115, 116; 157, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 93 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T1. Hủy Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân huyện Trần Văn T2 về việc thu hồi đất Dự án công trình đường số 8 và khu dân cư khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị T1 không phải chịu án phí. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn T2 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng